

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 12 năm 2022
V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trò và ông Trần Văn Thành.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- **Bị đơn:** Anh Ngô Minh T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu T, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H, anh T đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, *Tại đơn khởi kiện ngày 08/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị và anh Ngô Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/01/2015 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T chơi bời không quan tâm đến vợ con và do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, đến tháng 5/2021 thì mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Ngô PH T, sinh ngày 25/5/2016, cháu T đang ở cùng gia đình anh T. Do anh T đi làm lao động tự do nên không có điều kiện để chăm con còn chị có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con nên khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị H xác nhận không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

2, *Phía bị đơn anh Ngô Minh T:* Tòa án nhân dân huyện C đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh T có mặt và trình bày quan điểm của mình: Về quan hệ hôn nhân, về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng đúng như chị H trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị H ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xin ly hôn anh cũng nhất trí thuận tình ly hôn với chị H vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Ngô PH T, sinh ngày 25/5/2016. Từ năm 2018 đến nay cháu T ở cùng anh và bố mẹ anh tại khu Tân Lập, xã Đ . Do anh bận đi làm ăn nên anh có nhờ bố mẹ anh chăm sóc cháu T, cháu T được ăn học đầy đủ và phát triển khỏe mạnh, thỉnh thoảng anh vẫn về thăm con. Để ổn định chỗ ăn ở học tập của cháu T anh đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng, anh cam kết sẽ xin chuyển về làm gần nhà và nuôi dưỡng cháu T được phát triển tốt. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Anh T xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

3, *Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Ngô Đức Toàn (bố đẻ anh T) trình bày:* Anh T là con trai ông, chị H là con dâu. Chị H và anh T được tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 11/01/2015 tại UBND xã Đ , huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị H, anh T chung sống cùng vợ chồng ông được vài tháng thì ra ngoài làm ăn. Đến giữa năm 2021 thì anh chị mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở Đoan Hùng, anh chị ly thân từ đó. Nay chị H xin ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn vì thực tế anh chị không còn chung sống cùng nhau. Chị H và anh T có một con chung là Ngô PH T, sinh ngày 25/5/2016, do anh T đi làm ăn ở tỉnh Thái Nguyên nên có nhờ ông chăm sóc cháu T. Khi anh chị ly hôn để đảm bảo chỗ ăn ở học tập ổn định của cháu T, ông đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh T và ông được trực tiếp nuôi dưỡng vì từ năm 2018 đến nay cháu T ở cùng gia đình ông, được gia đình ông chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục rất tốt.

4, *Tại phiên tòa bà Phạm Thị Kính (là mẹ đẻ chị H) trình bày:* Chị H và anh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 11/01/2015 tại UBND xã Đ , huyện C, tỉnh Phú Thọ. Giữa năm 2021 anh chị mâu thuẫn trầm trọng nên chị H đã về ở cùng bà. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh T vì cuộc sống hôn nhân của anh chị không còn tồn tại. Chị H và anh T có một con chung là Ngô PH T, sinh ngày 25/5/2016. Từ năm 2018 đến nay cháu T ở cùng bố mẹ anh T. Nay bà đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị H được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng. Nếu chị H được nuôi con thì bà sẽ có trách nhiệm cùng chị H chăm sóc nuôi dưỡng cháu T.

5, *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Đ ngày 15/11/2022 được đại diện chính quyền địa phương:* Chị H và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11/01/2015 tại UBND xã Đ , huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị H, anh T về chung sống cùng nhau tại xã Đ được một thời gian rồi ra ngoài đi làm ăn. Quá trình chung sống

anh chị phát sinh mâu thuẫn, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được, hiện nay anh chị không còn chung sống cùng nhau. Nay chị H xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H, anh T có một con chung là Ngô PH T, sinh ngày 25/5/2016, hiện nay cháu T đang ở cùng bố anh T là ông Ngô Đức Toàn, nếu chị H anh T ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của trẻ em.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Minh T.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Ngô PH T, sinh ngày 25/5/2016 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh T tự nguyện không yêu cầu. Chị H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị H, anh T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Ngô Minh T phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh T có hộ khẩu thường trú tại khu Tân Lập, xã Đ , huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh T là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã Đ , huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 11/01/2015 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân là do anh T chơi bời không quan tâm đến vợ con và do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, đến tháng 5/2021 thì mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh T. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện C đã báo gọi nhiều lần nhưng anh T đều không có mặt để làm việc. Tại phiên tòa anh T có mặt và trình bày vợ chồng có chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị H ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xin ly hôn anh cũng nhất trí thuận tình ly hôn với chị H vì tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị H và anh T là mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn, anh T nhất trí thuận tình ly hôn. Vì vậy, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Ngô PH T, sinh ngày 25/5/2016, cháu T ở cùng gia đình anh T từ năm 2018 đến nay. Khi ly hôn chị H, anh T đều đề nghị được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu T. Xét thấy chị H, anh T đều chứng minh được thu nhập của bản thân để đảm bảo điều kiện nuôi con, nguyện vọng xin được nuôi con của anh chị là chính đáng nhưng việc giao con cho ai phải căn cứ vào tình cảm, điều kiện để nuôi dạy con cái trưởng thành. Từ năm 2018 (lúc đó cháu T mới được 02 tuổi) đến nay cháu T ở cùng gia đình anh T, được bố mẹ anh T chăm sóc chu đáo, cháu T được ăn học và phát triển khỏe mạnh, tại phiên tòa bố đẻ anh T cam kết tiếp tục giúp đỡ anh T chăm sóc nuôi dưỡng cháu T, phía anh T cũng cam kết sẽ xin chuyển công việc về gần nhà để có thêm thời gian chăm sóc cháu T. Vì vậy, để ổn định chỗ ở, ở thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển của con chung cần giao cháu T cho anh T được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T tự nguyện không yêu cầu là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H, anh T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H, anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Minh T.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Ngô PH T, sinh ngày 25/5/2016 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ

chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh T tự nguyện không yêu cầu. Chị H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị H, anh T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0008006 ngày 13/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị H 150.000đ.

Anh Ngô Minh T phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã Đ ;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đinh Thị Thu Huyền